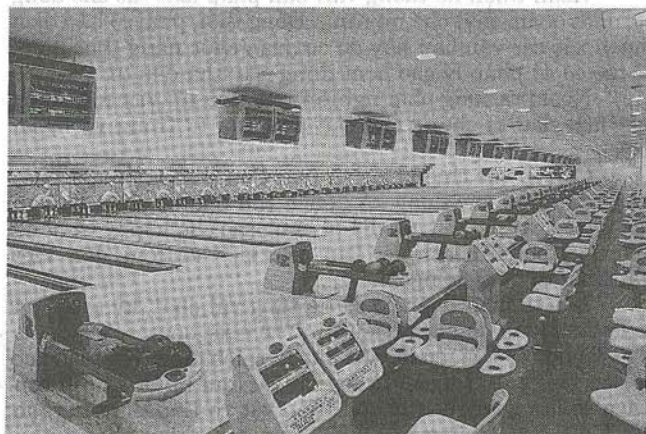


KHU VỰC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI BIỂU HIỆN SINH ĐỘNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG HÌNH THỨC KINH TẾ TỰ BẢN NHÀ NƯỚC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

PGS.PTS. VŨ CÔNG TUẤN



Hình thức kinh tế tự bản nhà nước đã được tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở vận dụng đúng đắn và sáng tạo học thuyết Mác-Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam xác nhận vai trò lịch sử, vị trí và xu hướng vận động của chúng như sau:

"Kinh tế tự bản quốc gia là nhà nước hùn vốn với tư nhân để kinh doanh và do nhà nước lãnh đạo".

Ngày nay, tư tưởng khoa học và sáng tạo của Người đã được cụ thể hóa trong thực tiễn sinh động của công cuộc đổi mới đang diễn ra trên đất nước ta mà một trong những minh chứng rõ ràng là sự đóng góp quan trọng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vào sự tăng trưởng kinh tế đầy ấn tượng của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua.

1. Kinh tế tự bản nhà nước là chủ đạo trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thời gian qua

Kể từ khi luật đầu tư nước ngoài ở VN được ban hành vào ngày 29.12.1987, được sửa đổi, bổ sung lần 1 (1990), lần 2 (1992) và lần 3 (1996), đã có bề dày 12 năm đi vào cuộc sống.

Đến ngày 31.12.1997, trên địa bàn cả nước đã có: 2.317 dự án được cấp giấy phép đầu tư, với 31,224 tỷ USD vốn đăng ký và được phân bổ từng năm như sau:

	1988	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997
Số lượng dự án	219	149	197	277	367	408	367	333
Số vốn đăng ký (triệu USD)	1582	1294	2036	2652	4071	6616	8258	4445

- Cùng trong thời gian này, đã có: 373 dự án mở rộng quy mô, với 3810 triệu USD vốn đầu tư bổ sung.

- Cũng như cùng thời kỳ, trừ đi: 23 dự án đã kết thúc hoạt động, với 121 triệu USD vốn đầu tư và 366 dự án bị rút giấy phép đầu tư, với 2814 triệu USD vốn đăng ký.

Như vậy, đến ngày 31.12.1997, có:

- 1928 dự án đang có hiệu lực, với

- 32,094 triệu USD vốn đăng ký.

Trong số các dự án nói trên, doanh nghiệp nhà nước hợp tác đầu tư với nước ngoài là chủ yếu, chiếm:

- 92,2% tổng số dự án (Doanh nghiệp ngoài quốc doanh 7,8%)

- 98,2% tổng số vốn đăng ký (Doanh nghiệp ngoài quốc doanh 1,8%) với giá trị là 31,516 tỷ USD.

Số liệu phân tích trên cho thấy, cho đến nay, trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, về cơ bản là sự hợp tác giữa một bên là tư bản nước ngoài và một bên, chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam, điều đó cho phép kết luận rằng, trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tự bản nhà nước là chính yếu.

2. Kinh tế tự bản nhà nước trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có sự đóng góp quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế-xã hội của đất nước

2.1. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (KVKTCVBTTN) có tỷ lệ đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của đất nước (GDP - tổng sản phẩm trong nước) ngày càng tăng:

- 1992: Đóng góp 2% GDP của cả nước

- 1996: Đóng góp 7,5% GDP của cả nước

- 1997: Đóng góp 10% GDP của cả nước

2.2. KVKTCVBTTN bổ sung nguồn vốn đầu tư quan trọng trong phát triển đất nước

- Đến năm 1997: chiếm 32% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

- Trong thời kỳ 1996-2000, theo kế hoạch: dự tính chiếm 35% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

2.3. KVKTCVBTTN là khu vực kinh tế có tốc độ phát triển cao nhất, tính theo sự tăng trưởng về vốn đầu tư:

- Trong thời kỳ 1988-

1996, có mức tăng trưởng bình quân 50% hàng năm.

- Quy mô trung bình của một dự án trong thời kỳ này là: 13,5 triệu USD.

2.4. KVKTCVĐTNN đóng góp đáng kể vào sự phát triển sản xuất và dịch vụ, đặc biệt trong sản xuất công nghiệp:

Năm 1997: chiếm 25% tổng giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp.

- Tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong thời kỳ 1988-1996: trên 20% hàng năm.

- Đến năm 1998, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm:

100% giá trị sản lượng khai thác dầu thô

70% giá trị sản lượng xe có động cơ

50% giá trị sản lượng thép

49% giá trị sản lượng hàng điện tử dân dụng

32% giá trị sản lượng giày da xuất khẩu

18% giá trị sản lượng thực phẩm, đồ uống

16% giá trị sản lượng hàng may mặc

14% giá trị sản lượng sản phẩm hóa chất...

2.5. KVKTCVĐTNN đóng góp ngày càng tăng vào hoạt động xuất khẩu, góp phần cải thiện cán cân thanh toán, cán cân thương mại của Việt Nam

- Trong thời kỳ 1988-1991, giá trị kim ngạch xuất khẩu: 52 triệu USD

- Trong năm 1996, giá trị kim ngạch xuất khẩu: 786 triệu USD

- Trong năm 1997, giá trị kim ngạch xuất khẩu: 1.720 triệu USD chiếm khoảng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (khoảng 9 tỷ USD).

Trong đó, tỷ lệ xuất khẩu/doanh thu ngày càng tăng:

- Năm 1995, tỷ lệ này là: 31%

- Năm 1996, tỷ lệ này là: 44%

- Năm 1997, tỷ lệ này là: 60%

Điều này góp phần đáng kể vào định hướng xây dựng cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu trong quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa của đất nước.

Ngoài ra, còn thúc đẩy các hoạt động "xuất khẩu tại chỗ", qua phát triển du lịch, giải trí và các dịch vụ khác.

2.6. KVKTCVĐTNN đã tạo ra nhiều ngành nghề và sản phẩm mới cho xã hội, tăng năng lực sản xuất và công nghệ mới, hiện đại trong nhiều lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như:

- Khai thác dầu khí

- Sản xuất sắt thép

- Sản xuất xi măng

- Lắp ráp và sản xuất ô tô, xe máy, hàng điện tử

- Bưu chính, viễn

thông

- Khách sạn hiện đại

2.7. KVKTCVĐTNN

đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách của nhà nước

- Trong năm 1997, đã đóng góp 6,1% tổng thu ngân sách nhà nước, nếu

kể cả dầu khí, tới 20%.

2.8. KVKTCVĐTNN

tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, thu hút nhiều lao động

xã hội:

- Cho đến nay, đã thu hút: 250.000 lao động trực

tiếp, ngoài ra còn tạo chỗ làm việc cho hàng chục vạn

lao động xây dựng và dịch vụ khác có liên quan.

- Mức lương bình quân cho một lao động trong

KVKTCVĐTNN là 65 USD/tháng, tạo ra khoảng

200 triệu USD thu nhập cho người lao động hàng

năm (1997).

2.9. KVKTCVĐTNN

góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho quá trình

công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Trong khu vực kinh tế này có:

- 6000 cán bộ quản trị, điều hành là người VN.

- 25.000 cán bộ khoa học công nghệ.

- Trên 100.000 công nhân lành nghề.

- 15% tổng số lao động đã tốt nghiệp đại học và

sau đại học.

- 60% tổng số lao động doanh nghiệp tự đào tạo.

2.10. KVKTCVĐTNN

tạo ra môi trường thuận lợi để tiếp thu công nghệ, kỹ

thuật tiên tiến, kinh nghiệm tổ chức quản lý

tiến bộ trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế như:

- Khai thác dầu khí

- Bưu chính viễn thông

- Sản xuất ô tô xe máy

- Dịch vụ khách sạn,

cao ốc, văn phòng cho thuê

- Nuôi trồng, chế biến

nông lâm thủy sản... góp

phần rút ngắn khoảng cách giữa nước ta và các nước

trong khu vực và trên thế giới ở nhiều lĩnh vực của

đời sống kinh tế-xã hội.

Với những đóng góp trên, rõ ràng kinh tế tư bản

nhà nước trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước

ngoài đã, đang và sẽ góp phần không nhỏ vào sự

ng nghiệp phát triển đất nước. Nhằm phát huy hiệu quả

tích cực của hình thức kinh tế tư bản nhà nước trong

quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa cần định

hướng một số chính sách sau đây.

3. Định hướng chính sách nhằm tiếp tục phát triển kinh

tế tư bản nhà nước trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư

nước ngoài trong thời gian tới

a. Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý đầu tư,

theo hướng giảm bớt khoảng cách giữa đầu tư

nước ngoài và đầu tư trong nước, tiến tới nhất thể hóa

luật đầu tư.

Việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp thay

thuế lợi tức, thuế trị giá gia tăng thay thuế doanh thu

kể từ ngày 1.1.1999 sắp tới là những bước đi ban đầu

thích hợp.

b. Nhanh chóng quy định chi tiết thi hành các

luật lệ đã ban hành, cụ thể như Luật khuyến khích đầu

tư trong nước sửa đổi đã được Quốc hội khóa 10, kỳ

hợp thứ ba, thông qua tháng 5.1998, về việc cho

phép người nước ngoài mua cổ phần của các công ty

trong nước.

c. Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa các doanh nghiệp

nhà nước, nhằm mở rộng đa dạng hóa sở hữu, từ đó

đa dạng hóa đầu tư và kinh doanh, song song với hình

thành thị trường chứng khoán ở VN trong thời gian

tới.

d. Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình doanh

ng nghiệp, tạo ra nhiều hình thức đầu tư thích hợp để

nhà đầu tư lựa chọn và

quyết định.

e. Cải cách thủ tục hành chính sâu rộng trong bộ máy nhà nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, thực hiện theo chiều từ trên xuống dưới, kết hợp với dòng thông tin phản hồi của nhà đầu tư từ dưới lên trên.

Việc thiết lập một số "đường dây nóng" tại một số cơ quan có thẩm quyền của nhà nước vừa qua thực sự là những việc làm cần thiết.

f. Tham nhũng là tệ nạn đồng hành của phiên

hà hành chính, cần được bài trừ thường xuyên và triệt để.

g. Tạo lập một thiết chế dân chủ đối với mọi

nhà đầu tư và người dân, là cơ chế hữu hiệu để phòng

ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu, đi đến xóa bỏ những

tệ nạn nêu trên.

Sử dụng hình thức kinh tế tư bản nhà nước,

cùng với việc phát triển đa dạng hóa các hình thức

kinh tế khác trong nền kinh tế mở là cách góp

phần giữ vững ổn định chính trị, thực hiện đường

lối đối ngoại đa dạng hóa và đa phương hóa trong

một thế giới đa cực hiện đại, không ngừng hoàn

thiện môi trường pháp lý, cho khả năng phát triển

manh mẽ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở

nước ta trong quá trình công nghiệp hóa-hiện đại

hóa, góp phần xây dựng VN trở thành một quốc gia dân

giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 7, tr.221 NXB Chính trị quốc gia, 1995

2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, tr.589 NXB chính trị quốc gia, 1996

3. Bộ kế hoạch và đầu tư, Một số vấn đề về đầu tư trực tiếp

nước ngoài Hà Nội, 1998

4. Thời báo Kinh tế VN, Kinh tế 1997 - 1998 Việt Nam - Thế

giới. Hà Nội, 1.1998